

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20 – 3 – 2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, người trực tiếp
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1734/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H bị ông Nguyễn Đăng Lê T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 736/2024/QĐXXPT – HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 24/2K đường V.O, Phường X, quận BT, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng Lê T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 248 đường CVA, Phường X, quận BT, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/3/2023, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đăng Lê T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 206 quyền số 02/2011 ngày 18/10/2011. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có

hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó đến năm 2013 khi bà H mang thai thì ông T có người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngọt ngào, căng thẳng, đến năm 2016 mâu thuẫn kéo dài do không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, các công việc trong gia đình một mình bà H làm, ông T không hề chia sẻ, vừa không được sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ của chồng vừa không còn tình cảm nên cuối năm 2022 bà H đã không còn sống chung nhà với ông T, mỗi người sống một nơi, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Sau gần 12 năm chung sống bà H không hề nhận được tình cảm yêu thương, quan tâm của chồng, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đăng Lê T.

Quá trình chung sống bà H và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Trung S vì bé còn nhỏ chưa thể tự lập được và giao 02 con chung tên Thái S và Thiên S cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Đăng Lê T trình bày:

Ông T thừa nhận vợ chồng ông sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó cũng thường xuyên phát sinh cãi vã, khiến cho cuộc sống ngọt ngào, căng thẳng, sau đó cả hai cũng cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng như tổ chức các buổi đi chơi để gia đình có thời gian quây quần bên nhau nhưng không biết vì lý do gì cuối năm 2022 đến nay bà H bỏ đi khỏi nhà, từ đó đến nay bà H và ông không còn sống chung nhà. Ông còn thương yêu vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Ông T xác nhận, quá trình chung sống giữa bà H và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Ông T yêu cầu được nuôi cả 03 con chung nêu trên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1734/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H đã nhận định:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 206 quyền số 02/2011 ngày 18/10/2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H cấp ngày 18/10/2011 thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đăng Lê T là hợp pháp.

Nay nguyện vọng của bà H muốn ly hôn với ông T vì lý do ông T không chung thủy, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, các công

việc trong gia đình một mình bà H làm, ông T không hề chia sẻ, vừa không được sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ của chồng vừa không còn tình cảm nên cuối năm 2022 bà H đã không còn sống chung nhà với ông T, mỗi người sống một nơi, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Sau gần 12 năm chung sống bà H không hề nhận được tình cảm yêu thương, quan tâm của chồng, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình thì: “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà H và ông T trong thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, ông T thừa nhận có quen với người phụ nữ khác nhưng chỉ là say nắng chứ không phải tình cảm yêu thương lâu dài và bà H không nhận được sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương, chia sẻ, hỗ trợ của ông T, ông T không chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với bà H nên dẫn đến thường xuyên tranh cãi, cuộc sống không hạnh phúc và mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được, giữa bà H và ông T đã không còn sống chung nhà từ năm 2022 đến nay, mỗi người sống một nơi, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình, không ai quan tâm đến ai và hiện nay bà H không còn tình cảm với ông T. Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy, nguyện vọng của bà H xin được ly hôn với ông T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong khi đó, bị đơn là ông T không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho các con. Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử hôm nay tình cảm vợ chồng của ông T và bà H cũng không hàn gắn được. Do đó, yêu cầu xin đoàn tụ của ông T không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào các bản tự khai của bà H, ông T, bản sao Giấy khai sinh số 58/2014 quyển số I/BT cấp ngày 20/3/2014, bản sao Giấy khai sinh số 59/2014 quyển số I/BT cấp ngày 20/3/2014, bản sao Giấy khai sinh số 55 cấp ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân phường BT, Quận Y, Thành phố H đã có đủ cơ sở xác định giữa bà H và ông T có 03 con chung tên là Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014 và Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 và giao 02 con chung còn lại tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014 và Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S muốn được

sống cùng ba, và ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của 02 con phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của ba mẹ là ông T và bà H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà H về việc nuôi cháu Nguyễn Đăng Trung S, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H hiện có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu của bà H là chính đáng, nhằm đảm bảo quyền lợi của con nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Do yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung tên Nguyễn Đăng Trung S đã được chấp nhận nên yêu cầu của ông T về việc nuôi con chung tên Nguyễn Đăng Trung S không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Ghi nhận ý kiến của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ý kiến của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định nêu trên, cấp sơ thẩm đã quyết định:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Đăng Lê T.

Về việc nuôi con chung:

Giao 01 con chung tên Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Giao chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014 và Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014 cho ông Nguyễn Đăng Lê T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông T và bà H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên. Vì quyền lợi của con khi cần thiết bà Hiền hoặc ông Trung được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023, ông Nguyễn Đăng Lê T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, làm rõ những sai phạm của người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đăng Lê T trình bày và có đơn xác định yêu cầu kháng cáo, cụ thể:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng Lê T đồng ý ly hôn bà Nguyễn Thị Thu H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Ông Nguyễn Đăng Lê T yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giao 03 con chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn

Đặng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 cho ông Nguyễn Đăng Lê T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục.

- Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có thông báo về việc thụ lý vụ án phúc thẩm cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và đương sự.

Căn cứ Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố H có Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H và các đương sự.

Hồ sơ vụ án cũng đã được chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thực hiện việc tổng đạt các Quyết định cho các bên đương sự đầy đủ.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 239, 297, 298, 301, 302, 303 và 305 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử phúc thẩm.

3. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự:

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo:

Ngày 31/8/2023, Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H xét xử bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1734/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 08/9/2023 bị đơn ông Nguyễn Đăng Lê T có đơn kháng cáo bản án.

Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo còn trong thời hạn luật định.

5. Về nội dung kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông T, kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao trẻ Nguyễn Đăng Trung S cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Về con chung: Ông T, bà H có 03 con chung tên là Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014 và Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Đăng Trung S và giao 02 con chung còn lại tên Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S tại các bản tự khai ngày 08/5/2023 thì hai cháu mong muốn được sống cùng ba, và nguyện vọng ông T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H cũng đồng ý giao hai cháu Thái S và Thiên S cho ông T nuôi dưỡng. Tòa sơ thẩm xem xét nguyện vọng của 02 con là phù hợp và giao ông T chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở.

Đối với cháu Nguyễn Đăng Trung S, bà H có yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trung S. Nhận thấy, căn cứ Hợp đồng lao động số 25/2021 ngày 01/8/2021 giữa bà H và Công ty Cp PT Khu phức hợp Thương Mại Vietsin. Bà H hiện có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên yêu cầu của bà H là chính đáng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giao trẻ Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở.

Bởi các lẽ trên,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đăng Lê T.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị: Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1734/2023/HNGĐ-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân quận BT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đăng Lê T làm trong hạn luật định và việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của ông Nguyễn Đăng Lê T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đăng Lê T và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 206 quyền số 02/2011 ngày 18/10/2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H

cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H (gọi tắt là bà H) và ông Nguyễn Đăng Lê T (gọi tắt là ông T) có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn ông T với lý do: Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó đến năm 2013 khi bà H mang thai thì ông T có người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngột ngạt, căng thẳng, đến năm 2016 mâu thuẫn kéo dài do không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, các công việc trong gia đình một mình bà H làm, ông T không hề chia sẻ, vừa không được sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, hỗ trợ của chồng vừa không còn tình cảm nên cuối năm 2022 bà H đã không còn sống chung nhà với ông T, mỗi người sống một nơi, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình, không ai quan tâm đến ai. Sau gần 12 năm chung sống bà H không hề nhận được tình cảm yêu thương, quan tâm của chồng, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thường xuyên phát sinh cãi vã, khiến cho cuộc sống ngột ngạt, căng thẳng, sau đó cả hai cũng cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng như tổ chức các buổi đi chơi để gia đình có thời gian quây quần bên nhau nhưng không biết vì lý do gì cuối năm 2022 đến nay bà H bỏ đi khỏi nhà, từ đó đến nay bà H và ông T không còn sống chung nhà. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T đồng ý ly hôn bà H.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Bà H và ông T xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn một thời gian dài, không còn tiếng nói chung, ông T nghi ngờ bà H không chung thủy; Đã cho thấy hai bên đã không còn niềm tin với nhau. Hai bên thừa nhận đã sống ly thân từ năm 2022, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông T đã không còn tồn tại, vợ chồng không còn cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.

Quan hệ hôn nhân được tồn tại và hạnh phúc trên cơ sở tình cảm yêu thương, sự tin tưởng, sự chia sẻ cùng nhau giữa hai vợ chồng; Đối với vợ chồng bà H và ông T đã không còn điều này, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T là có và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cấp sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: 03 con chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Bà H đồng ý giao 02 (hai) trẻ Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S cho ông T trực tiếp nuôi con, bà H trực tiếp nuôi con Nguyễn Đăng Trung S. Đối với ông Nguyễn Đăng Lê T yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung.

Xét thấy:

Đối với 02 (hai) trẻ Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S: Nguyên vọng của 02 trẻ được chung sống cùng ông T, nguyện vọng này của các con phù hợp với yêu cầu của bà H, ông T. Cấp sơ thẩm Quyết định giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S cho ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà H không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với trẻ Nguyễn Đăng Trung S: Ông T và bà H đều có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Ông T và bà H đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Ông, bà đều yêu thương, quan tâm và có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con tốt.

Đối với ông T: Ông T trình bày hiện 03 con chung Nguyễn Đăng Thái S, Nguyễn Đăng Thiên S và Nguyễn Đăng Trung S còn nhỏ, đang sống chung với ông T, do các con mến cha và bên nội, mong muốn chung sống với ông T, quá trình ông T nuôi dưỡng các con tốt, các con chung không mến mẹ và bên ngoại nên ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục 03 con chung. Ông trình bày từ khi bà H bỏ nhà đi, đã không đến thăm các con cho đến nay.

Đối với bà H: Bà H trình bày từ khi không còn sống chung với ông T và các con, bà H vẫn thường xuyên thăm nom, chăm sóc các con, tuy nhiên khi thăm các con thì bị ông T ngăn cản nên khi gặp các con bà H chỉ gặp thời gian ngắn vì sợ ông T biết và có hành động ảnh hưởng đến các con.

Hai bên đương sự trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh, tuy nhiên nhằm đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, tâm tư tình cảm, tâm lý, nguyện vọng của các con; song song đó nhằm bảo đảm điều kiện kinh tế, thu nhập, nơi ở của người trực tiếp nuôi con và xem xét độ tuổi của trẻ Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 còn nhỏ rất cần thiết sự chăm sóc của người mẹ; cấp sơ thẩm quyết định giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Đăng Thái S và Nguyễn Đăng Thiên S cho ông T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, giao con chung tên Nguyễn Đăng Trung S cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, khoản 2 Điều 284, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đăng Lê T.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1734/2023/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H ly hôn với ông Nguyễn Đăng Lê T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 206 quyển số 02/2011 ngày 18/10/2011 do Ủy ban nhân dân Phường X, quận BT, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Đăng Lê T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Con chung: 03 (Ba) trẻ tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017.

Giao con chung tên Nguyễn Đăng Trung S, sinh ngày 09/3/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Đăng Lê T cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H.

Giao 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Đăng Thái S, sinh ngày 09/3/2014 và Nguyễn Đăng Thiên S, sinh ngày 09/3/2014 cho ông Nguyễn Đăng Lê T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Thu H cho đến khi có yêu cầu của ông Nguyễn Đăng Lê T.

Việc giao nhận con chung giữa hai bên đương sự do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

III. Án phí HNGĐ – ST: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003002 ngày 06/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố H.

IV. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Nguyễn Đăng Lê T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028372 ngày 22/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND Q.BT, TP.H;
- Chi cục THADS Q.BT, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức

